

Bản án số: 08/2024/DS-PT
Ngày 03 tháng 5 năm 2024
V/v: “*Tranh chấp tài sản chung và
nợ chung sau khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Trâm

Các thẩm phán: Bà Lê Thúy Phượng

Ông Nguyễn Trung Tín

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Xuân Thiện – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Bùi Hồng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 và ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2024/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp tài sản chung và nợ chung sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXPT-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hải Y, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố P, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Phùng Duy T1, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng N;

Địa chỉ: B L, phường T, quận B, Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của ngân hàng: Ông Dương Tấn K – Phó giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh thành phố C – phòng G. Có mặt.

2. Ông Lê Đức A, sinh năm 1988

Địa chỉ: 3 C, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

3. Ông Lê Văn A1, sinh năm 1960 và bà Hoàng Thị O, sinh năm 1960; địa chỉ: P, T, Thạch A2, Thanh Hóa. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của ông **A1** và bà **O**: ông **Hoàng Việt P**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: **Tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa**. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Lê Thị Hải Y** trình bày:*

- Về tài sản chung: Trước đây bà **Lê Thị Hải Y** và ông **Phùng Duy T1** là vợ chồng, do mâu thuẫn nên bà đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án, ngày 12/4/2022, ông bà đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn theo Bản án số 10/2022/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, theo nội dung bản án sơ thẩm nêu trên về phần tài sản chung bà **Y** không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung để ông bà tự thỏa thuận với nhau. Tuy nhiên, từ đó đến nay, ông bà không thể thỏa thuận được việc giải quyết tài sản chung nên bà yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của ông bà trong thời kỳ hôn nhân, cụ thể là thửa đất số 04, tờ bản đồ số 22 diện tích 162 m² tọa lạc tại **tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa** đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho vợ chồng bà cùng một căn nhà 03 tầng mới xây trên đất theo hướng bà nhận hiện vật và hoàn lại cho ông **T1** ½ giá trị nhà đất.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà có nợ một số tiền cụ thể: vay **Ngân hàng N** số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Bà yêu cầu ông **T1** và bà mỗi người trả ½ dư nợ ngân hàng hiện tại hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, sau khi ly hôn, **Ngân hàng N** đã tự ý trừ số tiền riêng là 38.000.000 đồng trong tài khoản của bà tại ngân hàng để thu hồi nợ nên yêu cầu Tòa án buộc ông **T1** trả tiền gốc và lãi cho ngân hàng nhiều hơn bà 38.000.000 đồng.

Ngoài ra, quá trình xây nhà thiếu tiền nên vợ chồng bà có vay của bố mẹ bà là ông **Lê Văn A1** và bà **Hoàng Thị O** số tiền 850.000.000 đồng và vay của anh trai bà là ông **Lê Đức A** số tiền 450.000.000 đồng. Bà yêu cầu bà và ông **T1** có nghĩa vụ mỗi người trả ½ số nợ trên.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông **Phùng Duy T1** trình bày:*

Đối với yêu cầu của bà **Lê Thị Hải Y** về việc yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của ông bà trong thời kỳ hôn nhân, cụ thể là thửa đất số 04, tờ bản đồ 02 diện tích 162 m² tọa lạc tại **tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa** đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho vợ chồng ông cùng một căn nhà 03 tầng mới xây trên đất, ông xác định nguồn gốc lô đất là do ông dùng tiền riêng của ông để sang nhượng lô đất vào năm 2019, đến năm 2021, ông đồng ý nhập lô đất này vào tài sản chung của vợ chồng, sau đó ông và bà **Y** đã xây dựng một căn nhà trên đất. Nay ông đồng ý chia tài sản chung nêu trên cho bà **Y** theo hướng ông

được hưởng theo tỉ lệ 6/10, bà **Y** hưởng tỉ lệ 4/10 giá trị tài sản chung và ông được nhận hiện vật.

Về nợ chung: ông đồng ý trả $\frac{1}{2}$ nợ gốc và lãi cho **Ngân hàng N** theo hợp đồng tín dụng.

Ông xác định vợ chồng ông không hề nợ của ông **Lê Đức A**, ông **Lê Văn A1** và bà **Hoàng Thị O** như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã khai nên ông không đồng ý trả nợ.

Ngoài ra ngày 07/9/2023, ông có đơn trình bày ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là số tiền 886.660.301 đồng trong tài khoản **ngân hàng D1** mang tên bà **Lê Thị Hải Y** tại **Ngân hàng N** và yêu cầu bà **Y** phải cùng ông trả nợ cho ông **Văn T2** số tiền 50.000.000 đồng, trả cho ông **Trương Quang M** 43.000.000 đồng và trả cho ông **Lê Văn D**, bà **Ngô Thị Q** số tiền 40.000.000 đồng.

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là **Ngân hàng N** trình bày: Ngày 27/12/2021, bà **Lê Thị Hải Y** và ông **Phùng Duy T1** có ký kết với **Ngân hàng N** – **Chi nhánh thành phố C** – **Phòng G** hợp đồng tín dụng số 4702LAV202102649 để vay số tiền 500.000.000 đồng, tài sản thế chấp là thửa đất là thửa đất số 04, tờ bản đồ 22 diện tích 162 m² tọa lạc tại **tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa** đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho vợ chồng bà **Y**, ông **T1**.*

Tính đến ngày 22/9/2023, ông **Phùng Duy T1** và bà **Lê Thị Hải Y** còn nợ của **Ngân hàng N1** số tiền 489.635.287 đồng, trong đó tiền gốc là 425.000.000 đồng tiền gốc và 64.635.287 đồng tiền lãi. Yêu cầu Tòa án buộc ông **T1** và bà **Y** mỗi người phải trả lại cho ngân hàng $\frac{1}{2}$ nợ gốc và lãi nêu trên và tiếp tục trả lãi từ ngày 23/9/2023 cho đến ngày tất toán toàn bộ nợ gốc và lãi theo quy định tại hợp đồng tín dụng. Nếu ông **Phùng Duy T1** và bà **Lê Thị Hải Y** không thực hiện việc nghĩa vụ, **Ngân hàng N** có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Lê Đức A trình bày:*

Bà **Lê Thị Hải Y** là em ruột ông còn ông **Phùng Duy T1** trước đây là em rể ông, khi ông **T1** và bà **Y** còn chung sống với nhau, vào năm 2021, ông đã cho ông **T1** và bà **Y** vay số tiền 450.000.000 đồng để xây nhà, vì là người trong nhà nên cho vay không viết giấy, ông **T1**, bà **Y** hứa khi nào cần thì sẽ trả lại. Tuy nhiên, khi ông **T1** và bà **Y** ly hôn, ông đã yêu cầu trả lại số tiền trên nhưng ông **T1** và bà **Y** không trả.

Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông **T1** và bà **Y** mỗi người trả lại cho ông $\frac{1}{2}$ số tiền gốc nêu trên, ông không yêu cầu lãi.

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Lê Văn A1** và bà **Hoàng Thị O** trình bày:

Bà **Lê Thị Hải Y** là con ruột ông, bà còn ông **Phùng Duy T1** trước đây là con rể ông, bà. Khi ông **T1** và bà **Y** còn chung sống với nhau, vào năm 2021, ông, bà đã cho ông **T1** và bà **Y** vay số tiền 850.000.000 đồng để xây nhà, vì là người trong nhà nên cho vay không viết giấy, ông **T1**, bà **Y** hứa khi nào ông, bà cần thì sẽ trả lại số tiền trên nhưng ông **T1**, bà **Y** không trả.

Nay ông, bà yêu cầu Tòa án buộc ông **T1** và bà **Y** mỗi người trả lại cho ông, bà $\frac{1}{2}$ số tiền gốc nêu trên, không yêu cầu lãi.

Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị giao nhà, đất cho bị đơn quản lý sử dụng, bị đơn hoàn lại cho nguyên đơn $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất.

Tại Bản án sơ thẩm hôn nhân gia đình số 78/2023/HNGĐ-ST ngày 25/09/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 95 Luật hôn nhân gia đình; Điều 463, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn

1. Giao cho ông **Phùng Duy T1** được quản lý, sử dụng 01 lô đất thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 22, địa chỉ diện tích 162 m² tọa lạc tại **tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa**.

Ông **Phùng Duy T1** được sở hữu các tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà 03 tầng, khung cột sàn bê tông cốt thép, mái lợp ngói, nền lát gạch men, tường xây gạch, sơn nước, cửa đi, cửa sổ bằng nhôm kính, hệ thống vệ sinh hoàn chỉnh, điện nước hoàn chỉnh; diện tích sàn: 238,35m, tỉ lệ còn lại: 100%;

Ông **Phùng Duy T1** có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận QSD Đất.

2. Ông **Phùng Duy T1** có nghĩa vụ hoàn lại cho bà **Lê Thị Hải Y** 2.424.081.138 đồng.

3. Ông **Phùng Duy T1** và bà **Lê Thị Hải Y** mỗi người có nghĩa vụ phát trả cho **Ngân hàng N** $\frac{1}{2}$ số tiền gốc, lãi đến ngày 22/9/2023 là số tiền 489.635.287 đồng, trong đó tiền gốc là 425.000.000 đồng, tiền lãi 64.635.287 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 23/9/2023 cho đến khi tất toán toàn bộ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng.

Nếu ông **Phùng Duy T1** và bà **Lê Thị Hải Y** không tất toán toàn bộ gốc, lãi thì **Ngân hàng N** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Sau khi Ông **Phùng Duy T1** và bà **Lê Thị Hải Y** hoàn tất việc trả nợ thì

Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại cho ông Phùng Duy T1 giấy chứng nhận QSD đất đã thế chấp.

Ông Phùng Duy T1 và bà Lê Thị Hải Y mỗi người có nghĩa vụ phải trả cho ông Lê Đức A 225.000.000 đồng và trả cho ông Lê Văn A1, bà Hoàng Thị O 425.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 26/9/2023, bị đơn ông Phùng Duy T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và tại đơn trình bày nội dung kháng cáo ngày 12/3/2024, ông T1 yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử chia đôi số tiền 886.660.301 đồng trong tài khoản đứng tên bà Lê Thị Hải Y tại ngân hàng A3 – Chi nhánh C và toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Lê Văn A1, bà Hoàng Thị O và ông Lê Đức A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phùng Duy T3 thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử chia tài sản chung là thửa đất số 04, tờ bản đồ số 22, diện tích 162m² theo tỉ lệ 7:3, ông được nhận 07 phần và nhận hiện vật. Về giá tài sản tranh chấp ông đồng ý theo Biên bản định giá ngày 23/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ tranh chấp: Cấp sơ thẩm thụ lý quan hệ tranh chấp là “Chia tài sản chung sau ly hôn” là chưa chính xác bởi lẽ ngày 25 tháng 4 năm 2022, ông T1 có đơn kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố cam Ranh. Ngày 08/02/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm và ban hành bản án hôn nhân gia đình số 02/2023/HNGĐ-PT nhưng ngày 30/6/2022, Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh đã thụ lý vụ án hôn nhân gia đình “Chia tài sản chung sau ly hôn” giữa bà Lê Thị Hải Y và ông Phùng Duy T1. Đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là “Chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân”.

Về nội dung vụ án: Trong quá trình xét xử sơ thẩm cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông T1 có ý kiến quyền sử dụng đất tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 22, diện tích 162m² là tài sản riêng của ông nhưng năm 2019 ông đồng ý nhập vào tài sản chung vợ chồng nên yêu cầu chia theo tỉ lệ ông được 70% và bà Y được 30%. Đối với căn nhà là tài sản riêng của ông nhưng ông tự nguyện cho bà yếm ½ giá trị căn nhà. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T1 chia cho ông T1 được 70% giá trị quyền sử dụng đất và ghi nhận sự tự nguyện của ông T1 thanh toán cho bà Y ½ giá trị nhà. Đối với nợ Ngân hàng, ông T1 đã thực hiện việc

thanh toán ½ nghĩa vụ của Ngân hàng và được Ngân hàng xác nhận có chứng từ kèm theo nên đề nghị sửa bản án sơ thẩm đối với việc buộc ông T1 trả ½ số nợ cho Ngân hàng.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông T1; sửa bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn A1, Lê Đức A, Hoàng Thị O và người đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Việt P có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các ông, bà nêu trên.

[1.2] Ông Lê Đức A, ông Lê Văn A1 và bà Hoàng Thị O có đơn rút yêu cầu độc lập đối với bà Lê Thị Hải Y và ông Phùng Duy T1. Xét việc rút yêu cầu độc lập của ông A, ông A1 và bà O là hoàn toàn tự nguyện, ông T1 và bà Y đều đồng ý với việc rút yêu cầu độc lập của ông Lê Đức A, ông Lê Văn A1 và bà Hoàng Thị O nên đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Lê Đức A về việc buộc ông Phùng Duy T1 và bà Lê Thị Hải Y, mỗi người phải trả cho ông số tiền 225.000.000đồng. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Lê Văn A1 và bà Hoàng Thị O về việc buộc ông Phùng Duy T1, bà Lê Thị Hải Y, mỗi người phải trả cho ông, bà số tiền 425.000.000đồng.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp: Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh chấp nhận yêu cầu bà Lê Thị Hải Y được ly hôn ông Phùng Duy T1. Ngày 25 tháng 4 năm 2022, ông T1 có đơn kháng cáo bản án số 10/2022/HNGĐ-ST. Ngày 08/02/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm và ban hành bản án hôn nhân gia đình số 02/2023/HNGĐ-PT. Do đó, ngày 30/6/2022, Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh thụ lý vụ án hôn nhân gia đình “Chia tài sản chung và nợ chung sau ly hôn” giữa bà Lê Thị Hải Y và ông Phùng Duy T1 là chưa phù hợp. Tuy nhiên, đến ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2023, bà Lê Thị Hải Y và ông Phùng Duy T1 đã ly hôn nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Chia tài sản chung và nợ chung sau ly hôn” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Phùng Duy T1 yêu cầu chia thừa đất số 04, tờ bản đồ số 22, diện tích 162m², địa chỉ tọa lạc tại tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa theo tỉ lệ ông được 70%, bà Y được 40%.

[2.1] Xét thấy về nguồn gốc thừa đất do ông Phùng Duy T1 nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị Thu L ngày 03/9/2019 và được Sở

Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp Giấy chứng nhận đất, số phát hành CS 735483, số vào sổ cấp GCN CS 03067 ngày 13/9/2019 cho ông Phùng Duy T1. Đến ngày 27/4/2021, ông T1 và bà Y có văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào khối tài sản chung vợ chồng và được Chi nhánh Văn phòng Đ tại thành phố C xác nhận đăng ký biến động ngày 04/5/2021. Sau đó, ông T1 và bà Y tiến hành xây dựng căn nhà 03 tầng như hiện nay và thế chấp toàn bộ tài sản nhà và đất cho Ngân hàng N Chi nhánh thành phố C – Phòng G để vay số tiền 500.000.000đồng.

[2.2] Ông T1 và bà Y đều xác nhận nhà xây trong thời kỳ hôn nhân và thực tế các bên có vay Ngân hàng để mua sắm thiết bị trong gia đình và trả tiền xây dựng, đều đồng ý chia theo tỉ lệ 50%, không có kháng cáo đối với phần nhà nên việc Đại diện Viện Kiểm sát cho rằng căn nhà là tài sản riêng của ông T1 và ghi nhận sự tự nguyện của ông T1 thanh toán cho bà Y ½ giá trị căn nhà là không đúng ý chí của các đương sự và nội dung vụ án.

[2.3] Đối với quyền sử dụng đất: Thừa đất là do ông T1 nhận chuyển nhượng năm 2019 nhưng đến tháng 4/2021, ông T1 đã đồng ý sáp nhập vào tài sản chung. Các bên cũng xác nhận đây là tài sản chung nên khi giải quyết chia tài sản chung có tính công sức đóng góp của các bên. Xét thấy, các bên có tiến hành xây dựng nhà và có thế chấp toàn bộ nhà và đất cho Ngân hàng N để vay tiền phục vụ mục đích cho gia đình. Tại cấp sơ thẩm, ông T1 là người tự đưa ra phương án chia theo tỉ lệ 6:4. Đến phiên tòa sơ thẩm ngày 22/9/2023, ông mới thay đổi yêu cầu chia theo tỉ lệ ông được 7 phần. Tại Đơn trình bày nội dung kháng cáo ngày 12/3/2024, ông T1 cũng không đề cập đến việc yêu cầu chia quyền sử dụng đất của thừa đất số 04, tờ bản đồ số 22 theo tỉ lệ 7:3. Bà Y yêu cầu chia đôi nhà và đất. Do đó, cấp sơ thẩm chia tài sản chung là quyền sử dụng đất theo tỉ lệ ông T1 được 6 phần và bà Y được 4 phần là có căn cứ và phù hợp với pháp luật. Thừa đất số 04, tờ bản đồ số 22, diện tích 162m², trong đó có 150m² đất ở, 12,0m² đất trồng cây lâu năm nhưng ông Thế thống n tính giá trị toàn bộ thừa đất theo đơn giá 26.000.000đ/m² của Biên bản định giá tài sản ngày 23/11/2022.

[2.3] Đối với số tiền nợ Ngân hàng N, ông T1 đã trả ½ số nợ gốc và lãi là 250.530.075đồng. Tuy nhiên, tất cả các đương sự đều không kháng cáo nội dung này và Ngân hàng N cũng không rút yêu cầu khởi kiện nên vẫn giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với phần yêu cầu độc lập của Ngân hàng.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phùng Duy T1. Sửa bản án sơ thẩm, đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Lê Văn A1, bà Hoàng Thị O, ông Lê Đức A.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định đối với phần tài sản mà mình được nhận. Cụ thể:

Ông **Lê Văn A1** và bà **Hoàng Thị O** là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

H lại án phí dân sự sơ thẩm cho ông **Lê Đức A** 11 triệu đồng

Các ông, bà **Lê Văn A1**, **Hoàng Thị O**, **Lê Đức A** rút yêu cầu độc lập nhưng các ông **Phùng Duy T1** và bà **Lê Thị Hải Y** vẫn chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập được rút.

Bà **Y** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối phần tài sản chung được nhận là $72.000.000\text{đồng} + 2\% \times 424.081.132\text{đồng} = 80.481.000\text{đồng}$. Ông **T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối phần tài sản chung được nhận là: $72.000.000\text{đồng} + 2\% \times 1.266.481.137\text{đồng} = 97.329.000\text{đồng}$.

Ông **T1** và bà **Y**, mỗi người phải chịu án phí đối với phần nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng ($1/2 \times 489.635.287$ đồng) và phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã rút ($425.000.000\text{đồng} + 225.000.000\text{đồng}$) là 38.844.529đồng.

Như vậy, bà **Y** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 119.325.529đồng (làm tròn 119.325.000đồng)

Ông **T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 136.173.529đồng (làm tròn 136.173.000đồng)

Về lệ phí tố tụng: Ông **Phùng Duy T1** phải hoàn lại cho bà **Lê Thị Hải Y** 4.168.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 bác kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBNVQH1430/12/2016 của Ủy ban T4;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn của nguyên đơn.

1.1. Xác định tài sản chung của bà **Lê Thị Hải Y** và ông **Phùng Duy T1** là thửa đất số 04, tờ bản đồ số 22, diện tích 162m² và căn nhà 03 tầng, khung cột sàn bê tông cốt thép, mái lợp tôn, nền lát gạch men, tường gạch, sơn nước, cửa đi cửa sổ bằng nhôm kính, hệ thống vệ sinh hoàn chỉnh, diện tích sàn 238,35m², địa chỉ: **tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa** theo Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 735483, số vào sổ cấp GCN: CS 03067 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 13/9/2019 đứng tên ông Phùng Duy T1 được chỉnh lý ngày 04/5/2021 cho bà Lê Thị Hải Y và ông Phùng Duy T1.

1.2. Ông Phùng Duy T1 được quyền sở hữu, sử dụng thửa đất số 04, tờ bản đồ số 22, diện tích 162m² và căn nhà 03 tầng, khung cột sàn bê tông cốt thép, mái lợp tôn, nền lát gạch men, tường gạch, sơn nước, cửa đi cửa sổ bằng nhôm kính, hệ thống vệ sinh hoàn chỉnh, diện tích sàn 238,35m², địa chỉ: tổ dân phố L, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 735483, số vào sổ cấp GCN: CS 03067 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 13/9/2019 đứng tên ông Phùng Duy T1 được chỉnh lý ngày 04/5/2021 cho bà Lê Thị Hải Y và ông Phùng Duy T1.

Ông Phùng Duy T1 được quyền liên hệ Cơ quan chức năng để chỉnh lý làm thủ tục đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định.

1.3. Ông Phùng Duy T1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Hải Y 2.424.081.138 đồng (*hai tỷ, bốn trăm hai mươi bốn triệu, không trăm tám mươi một ngàn, một trăm ba mươi tám đồng*).

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng N. Buộc bà Lê Thị Hải Y và ông Phùng Duy T1, mỗi người phải trả cho Ngân hàng N $\frac{1}{2}$ số tiền 489.635.287 đồng (*bốn trăm tám mươi chín triệu, sáu trăm ba mươi lăm ngàn, hai trăm tám mươi bảy đồng*), trong đó tiền gốc là 425.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày 22/9/2023 là 64.635.287 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 23/9/2023 cho đến khi tất toán toàn bộ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng.

Nếu ông Phùng Duy T1 và bà Lê Thị Hải Y không tất toán toàn bộ gốc, lãi thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Sau khi Ông Phùng Duy T1 và bà Lê Thị Hải Y hoàn tất việc trả nợ thì Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại cho ông Phùng Duy T1 giấy chứng nhận QSD đất đã thế chấp.

3. Đình chỉ các yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi liên quan:

3.1. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Lê Đức A về việc buộc ông Phùng Duy T1 và bà Lê Thị Hải Y, mỗi người phải trả cho ông số tiền 225.000.000 đồng (*hai trăm, hai mươi lăm triệu đồng*).

3.2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Lê Văn A1 và bà Hoàng Thị O về việc buộc ông Phùng Duy t, bà Lê Thị Hải Y mỗi người phải trả cho ông, bà 425.000.000 đồng (*bốn trăm, hai mươi lăm triệu đồng*).

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí phúc thẩm: Ông **Phùng Duy T1** phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 3000.000đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2023/0002630 ngày 24/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh. Ông **T1** đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

[4.2] Án phí sơ thẩm:

Ông **Lê Văn A1** và bà **Hoàng Thị O** là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

H lại án phí dân sự sơ thẩm cho ông **Lê Đức A** 11.000.000 đồng (*mười một triệu đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0000526 ngày 10/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh.

Bà **Lê Thị Hải Y** chịu án phí dân sự sơ thẩm 119.325.000đồng (*một trăm mười chín triệu, ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng*). Nhưng được trừ vào 32.250.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0007154 ngày 29/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh. Bà **Y** còn phải nộp 87.075.000 đồng (*tám mươi bảy triệu, không trăm, bảy mươi lăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông **Phùng Duy T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 136.173.000đồng (*một trăm ba mươi sáu triệu, một trăm bảy mươi ba ngàn đồng*).

[5] Về lệ phí tố tụng: Ông **Phùng Duy T1** phải hoàn lại cho bà **Lê Thị Hải Y** 4.168.000đồng (*bốn triệu, một trăm sáu mươi tám ngàn đồng*).

Quy định chung: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Chi cục THADS TP. Cam Ranh;
- TAND TP. Cam Ranh;
- Dương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ; Ấn văn; Văn phòng.

Võ Thị Trâm